

Bản án số: 160/2018/HC-PT

Ngày: 11/10/2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án vụ án thụ lý số 186 /2018 /TLPT-HC ngày 10 tháng 7 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HCST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186A/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Đội 4, thôn 3, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phạm Thị Bích C, sinh

năm 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018);

Địa chỉ: 02 đường N, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C1 - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2017), Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 09 đường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Hoàng Xuân N – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: UBND xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện - Ông Nguyễn Xuân T, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T trình bày:*

Đầu năm 1993, ông cùng gia đình từ huyện K đi xây dựng kinh tế mới tại xã D (nay thuộc xã E) huyện K1, tỉnh Đắk Lắk. Vào khoảng tháng 3/1993, ông Nguyễn Cường T4 là người trực tiếp khảo sát quy hoạch khu vực đất và tiến hành phân chia cho 75 hộ dân đi xây dựng kinh tế, diện tích nhiều hay ít theo mức tiền mua của các hộ dân. Theo đó, ông Nguyễn T2 (bố ông Nguyễn Xuân T), ông Nguyễn Xuân T3,

Nguyễn Xuân H1 và ông T nộp tiền và được chia 05 ha đất (có danh sách và xác nhận của ông T4), thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đường mòn lấy gỗ;
- Phía tây giáp đất Ma H2;
- Phía Nam giáp đất ông T;
- Phía Bắc giáp đất ông M.

Sau khi nhận 05 ha đất thì các hộ tiến hành phân chia, theo đó ông T được chia 1,25 ha. Sau khi được phân chia đất, ông T đã dọn dẹp, khai hoang, canh tác sử dụng toàn bộ diện tích 1,25 ha. Tháng 7/1993, ông T đã xây dựng căn nhà gỗ để ở và đào giếng nước để phục vụ sinh hoạt. Ngày 03/4/1993, 4 hộ dân gồm ông Tuỳ, ông T3, ông H1 và ông T làm đơn xin cấp đất đối với diện tích đất trên. Ngày 15/01/1995, UBND xã đã xác nhận vào đơn này.

Năm 1996, ông T đi chấp hành án phạt tù nên ông T có nhờ em trai là ông Nguyễn Xuân T5 canh tác, trông coi 1,25 ha đất nói trên. Trong thời gian này, em trai ông T xây dựng thêm một căn nhà để ở. Năm 2001, ông T nhận lại diện tích đất trên và tiếp tục canh tác trồng cà phê, hoa màu. Trong quá trình sử dụng, ông T đã nộp tiền thuê sử dụng đất xâm canh từ từ 1995 – 2009 và có sổ liên lạc năm 2009.

Trong thời gian ông T sử dụng đất, UBND xã E ngăn cản gây khó khăn trong việc canh tác, sản xuất và đến năm 2014 thì UBND xã cương quyết không cho ông T sử dụng đất. Tháng 6/2017, ông T có đơn tố cáo Chủ tịch UBND xã E. Khi nhận được Kết luận giải quyết đơn tố cáo số 02/KL-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện K1 thì ông T mới biết toàn bộ diện tích 1,25 ha đất của ông T đã bị UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 766144 cho UBND xã E vào ngày 19/10/2011, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 13.838m², mục đích sử dụng là đất cơ sở văn hóa.

Việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho UBND xã E là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vì diện tích đất này ông T đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 và không có tranh chấp. Việc UBND tỉnh Đắk Lắk không ban hành quyết định thu hồi đất, không bồi thường khi thu hồi đất cho ông T là vi phạm quy định về trình tự thủ tục cấp theo quy định tại Điều 38, Điều

50, Điều 127 Luật đất đai năm 2003. Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn C1 - Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo Báo cáo của UBND xã E, thửa đất diện tích 13.838 m² tại xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk do 09 hộ dân gồm các ông: Thái Mạnh S, Thái Quang V, Nguyễn Văn Đ, Tạ Duy Th, Thái Mạnh C2, Mai Văn V1, Phạm Văn D, ông Ng (em trai ông Phạm Văn D) và bà Nguyễn Thị C3 (mẹ ông Nguyễn Xuân T) hiến đất cho thôn vào năm 1995. Tại thời điểm hiến đất chưa có hồ sơ địa chính quản lý, chỉ thực hiện bằng cách đóng cọc ranh, không đo đạc diện tích cụ thể, không có giấy tờ về việc hiến đất.

- Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 06/11/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh) nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã E, huyện K1 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 13.838m², xã E, huyện K1, đất sử dụng vào mục đích đất cơ sở văn hóa, hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (mẫu số 01/ĐK-GCN) ngày 14/9/2011.

- Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng ngày 14/9/2011 của UBND xã E.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật đất đai năm 2003; Điều 19 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh kiểm tra, xác nhận vào đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận theo quy định và trình Sở tài nguyên và môi trường ký Giấy chứng nhận theo ủy quyền.

Ngày 19/10/2011, UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 cho UBND xã

E, đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 13.838m², mục đích sử dụng đất cơ sở văn hóa, tại xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

Qua kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nhận thấy:

- Tiếp nhận và giải quyết thủ tục đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thành phần hồ sơ đầy đủ theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật đất đai năm 2003 sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009.

Do đó, UBND tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T, đề nghị Tòa án giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E, đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 13.838m², mục đích sử dụng đất cơ sở văn hóa, tại xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã E, huyện K1 trình bày:*

- Nguồn gốc đất: Diện tích đất trên do 09 hộ dân hiến vào năm 1995, trong đó bà Nguyễn Thị C3 (mẹ ông T) cũng tham gia hiến đất để UBND xã D (nay là UBND xã E) quy hoạch làm đất chuyên dùng.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Năm 1999, xã D quy hoạch là đất chuyên dùng (thể hiện trên sổ mục kê); giai đoạn 2005 - 2010: Quy hoạch là đất khu thương mại, dịch vụ; giai đoạn 2011 - 2016 quy hoạch là đất cơ sở văn hóa.

Từ năm 1995 đến nay, xã D và xã E (được tách ra từ xã D từ năm 2003) liên tục sử dụng đất làm lớp mẫu giáo, nhà văn hóa thôn, sân bóng đá, bãi tập quân sự và ông Nguyễn Xuân T không hề canh tác trên mảnh đất này.

- Việc lập thủ tục cấp đất cho UBND xã được thực hiện đúng quy định của pháp luật và từ năm 1995 đến năm 2014 không có đơn khiếu nại nào của ông T về khu đất trên. Đến năm 2014, ông T có đơn xin đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. UBND xã E đã có công văn trả lời không đồng ý nên ông T khiếu nại, tố cáo đến nay.

- Việc ông T có đơn xin cấp đất năm 1993 đến năm 1995 được Chủ tịch UBND xã xác nhận cấp đất thổ cư là không có căn cứ vì sai thẩm quyền cấp đất. Mặt khác, trong xác nhận của Chủ tịch xã đã nêu rõ đề nghị các hộ chuyển khẩu từ xã K2 lên xã D sinh sống.

- Về diện tích 05 ha, thực tế các hộ đã nhận và chuyển nhượng cho người khác từ năm 1999 đến năm 2002.

Do đó, nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng - Ông Nguyễn Xuân T5 trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Xuân T. Năm 1996, khi ông T đi chấp hành án, ông T nhờ ông T5 canh tác, trông nom diện tích 1,25 ha trên. Trong thời gian sử dụng, ông có dựng căn nhà gỗ ba gian để ở bên cạnh giếng nước (do ông T đào khoảng năm 1993, 1994) và sản xuất. Năm 2001, ông T về thì ông bàn giao lại diện tích đất trên và tiếp tục canh tác. Năm 2010, ông cùng ông T đã dựng tiếp một ngôi nhà gỗ để cho bà Nguyễn Thị C3 ở. Sau đó, không biết ai đó đã tháo dỡ nhà và UBND xã E san ủi diện tích gia đình ông T đang sử dụng.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, những người làm chứng Mai Văn V1, Tạ Duy Th, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Thị N1, Thái Mạnh C2, Thái Quang V trình bày:*

Đều thừa nhận trong phần diện tích mà UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E có một phần diện tích do gia đình các ông bà hiến vào năm 1995. Các hộ gia đình hiến đất nhưng không thể hiện bằng giấy tờ, không ai đo đạc, vì tại thời điểm hiến đất, các hộ đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

– Ông Mai Văn V1: Từ năm 1999, 2000, ông thấy trên diện tích đất trên có một nhà gỗ tạm và một cái giếng do ông Nguyễn Xuân T đào mà không có nước. Ông biết

sự việc UBND xã E đến làm việc với gia đình ông T về việc không được dựng nhà trên đất.

– Ông Tạ Duy Th: Bố đẻ của ông là ông Tạ Quang Đ1 (thôn trưởng thôn TC vào thời điểm đó) vận động các hộ dân hiến đất để làm trung tâm của thôn và hứa sẽ cho mỗi hộ 2-3 sạp để kinh doanh. Ông biết ông T đã làm một nhà gỗ trên đất và một căn nhà gỗ nhỏ hơn để mẹ của ông T là bà Nguyễn Thị C3 ở.

- Ông Nguyễn Văn Đ: Vào khoảng năm 1997, ông có thấy một căn nhà của ông Nguyễn Xuân T ở một phần bên góc diện tích đất có hội trường nhà văn hóa thôn.

- Ông Thái Quang V: Khi ông Tạ Quang Đ1 còn làm thôn trưởng thôn TC, ông Đ1 đã vận động các hộ dân hiến đất để làm chỗ sinh hoạt cộng đồng. Ông biết sự việc ông Nguyễn Xuân T5 dựng nhà trên đất.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tuy nhiên, tại phiên đối thoại các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HCST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 51, Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 38 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất);

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E, huyện K1, đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 13.838m², tại xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

*Ngày 08 tháng 6 năm 2018 Ủy ban nhân dân xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk;
kháng cáo bản án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Ủy ban nhân dân xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk, vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk là cơ quan ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện không kháng cáo. Ủy ban nhân dân xã E, huyện K1 kháng cáo.

Về nguồn gốc diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E, huyện K1, đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích **13.838m²**, tại xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và việc thừa nhận của các đương sự thì thấy;

Vào năm 1993, ông Nguyễn Xuân T, cùng gia đình từ huyện K đi xây dựng kinh tế mới tại xã D (nay thuộc xã E) huyện K1, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng tháng 3/1993,

ông Nguyễn Cường T4 là người trực tiếp khảo sát quy hoạch khu vực đất và tiến hành phân chia cho 75 hộ dân đi xây dựng kinh tế, diện tích nhiều hay ít theo mức tiền mua của các hộ dân. Theo đó, ông Nguyễn T2 (bố ông Nguyễn Xuân T), ông Nguyễn Xuân T3, Nguyễn Xuân H1 và ông T nộp tiền và được chia 05 ha đất (có danh sách và xác nhận của ông T4), thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đường mòn lấy gỗ;
- Phía tây giáp đất Ma Han;
- Phía Nam giáp đất ông Thành;
- Phía Bắc giáp đất ông Minh.

Sau khi nhận 05 ha đất thì các hộ tiến hành phân chia, theo đó ông T được chia 1,25 ha. Sau khi được phân chia đất, ông T đã dọn dẹp, khai hoang, canh tác sử dụng toàn bộ diện tích 1,25 ha. Tháng 7/1993, ông T đã dựng căn nhà gỗ để ở và đào giếng nước để phục vụ sinh hoạt. Ngày 03/4/1993, 4 hộ dân gồm ông Tuỳ, ông T3, ông H1 và ông T làm đơn xin cấp đất đối với diện tích đất trên. Ngày 15/01/1995, UBND xã đã xác nhận vào đơn này.

[2] Xét về quá trình sử dụng đất của ông T có đủ cơ sở để khẳng định sau khi được giao đất cùng với 03 hộ ông T đã dựng nhà ở và đào giếng nước sinh hoạt. Về phía ủy ban nhân dân xã E huyện K1 thừa nhận đất và tài sản trên đất là của hộ gia đình ông T, tuy nhiên Ủy ban xã cho rằng các hộ đã hiến đất cho ủy ban để xây dựng nhà văn hóa thôn, Ủy ban nhân dân xã cũng thừa nhận việc hiến đất của các hộ chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ và cũng không có gì để chứng minh mỗi hộ hiến bao nhiêu mét vuông. Đối với ý kiến của ông T thì Ông không thừa nhận có việc hiến đất. Tại báo cáo số 71/BC-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã E huyện K1 đều thể hiện ông Nguyễn Xuân T cùng các ông Nguyễn Xuân H1, Nguyễn T2, Nguyễn Xuân T3 đã khai hoang diện tích khoảng 5ha tại buôn Y, xã D. Đồng thời qua xác minh xem xét tại chỗ trên đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho UBND xã E có giếng nước, và nền móng nhà của gia đình ông T.

[3] Xét án sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật về đất đai, để cho rằng việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSD đất cho UBND xã E đối với diện tích đất có nguồn gốc và quá trình sử dụng nêu trên không đúng với quy trình, quy định

của pháp luật, và tuyên hủy Giấy chứng nhận QSD đất là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ nào mới để xem xét do vậy đơn kháng cáo của UBND xã E là không có cơ sở chấp nhận.

Án Phí: Ủy ban nhân dân xã E phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã E huyện K1 tỉnh Đắk Lắk.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HCST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Căn cứ Điều 33, Điều 51, Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 38 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E, huyện K1, đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích 13.838m², tại xã E, huyện K1, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí:

Ủy ban nhân dân xã E huyện K1 tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm. Đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0007389 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Nay số tiền tạm ứng án phí chuyển thành tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành